

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ - ST
Ngày 31-5-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Dương Thị Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ph Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị Th; Sinh ngày 27/12/1994; Nơi cư trú: Bản N 2, xã N, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn Ph; Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản N 2, xã N, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị Th vắng mặt có lý do, anh Ph vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2021 và lời khai ngày 01/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn Ph đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị Th và anh Ph kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì Ph1 sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh Ph hay uống rượu say về đánh chị Th. Năm 2017 anh Ph còn đánh

gãy chân chị Th, dẫn đến chị Th phải vào viện điều trị. Trong quá trình chung sống anh Ph cũng không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, chị Th đã nhiều lần khuyên anh Ph nhưng anh Ph không thay đổi. Chị Th và anh Ph đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa chị và anh Ph không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Th xác định không còn tình cảm với anh Ph, vì vậy chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị Th khai vợ chồng có 03 con chung là Lò Thị Phương H, sinh ngày 07/02/2011, Lò Thị Phương Th1, sinh ngày 20/3/2015 và Lò Khánh D, sinh ngày 08/01/2017. Hiện tại cả ba cháu đang ở với chị Th tại bản N 2, xã N, huyện TG. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 cháu đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện TG đã giao Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ cho anh Lò Văn Ph qua ông Lương Văn Ph1 (trưởng bản N 2, xã N), đồng Th Tòa án cũng tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án và cùng các tài liệu chứng cứ cho anh Lò Văn Ph tại Nhà văn hoá bản N 2, Trụ sở UBND xã N và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG.

Ngày 26/02/2021, Tòa án xác minh thông tin của ông Lương Văn T (Trưởng bản N 2, xã N) về sự vắng mặt của anh Ph, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa anh Ph và chị Th. Ông T cho biết: Chị Th và anh Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, sau khi kết hôn chị Th và anh Ph chung sống với nhau được một Th gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph hay uống rượu say đánh đập vợ con, có lần còn đánh chị Th bị gãy chân phải nằm viện 6 tháng, mâu thuẫn giữa chị Th và anh Ph được tổ hòa giải ở bản hòa giải nhiều lần nhưng anh Ph không thay đổi. Chị Th và anh Ph có 03 con chung là Lò Thị Ph H, sinh ngày 07/02/2011, Lò Thị Ph Th1, sinh ngày 20/3/2015 và Lò Khánh D, sinh ngày 08/01/2017. Hiện tại cả ba cháu còn nhỏ đang ở với chị Th tại bản N 2, xã N, huyện TG. Chị Th và anh Ph có một ngôi nhà xây cấp 4 xây trên đất của bố mẹ chị Th, năm 2017 bản có chứng kiến giữa chị Th và anh Ph thống nhất chị Th nuôi ba con và được sử dụng ngôi nhà. Chị Th và anh Ph chủ yếu đi làm thuê, mức thu nhập một tháng được bao nhiêu thì ông không biết, theo như ông đánh giá chị Th có điều kiện và Th gian chăm sóc các con chung nhiều hơn anh Ph, anh Ph ít quan tâm đến các con. Ngoài ra ông T cũng không cho biết gì thêm.

Cùng ngày 26/02/2021, Tòa án tiến hành xác minh thông tin của ông Lò Văn G (Trưởng Công an xã N, huyện TG) và ông Lương Văn T (trưởng bản N 2) về sự vắng mặt của anh Ph. Ông G, ông T đều cho biết: Anh Ph đang đi làm xa, đi về thất thường, công việc cụ thể anh Ph không báo với chính quyền địa Ph, hiện tại anh Ph vẫn có hộ khẩu tại bản N 2, xã N, huyện TG.

Tòa án cũng tiến hành xác minh đối với bà Cà Thị B (mẹ đẻ chị Th) để xem xét ý kiến, đồng Th tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của chị Th và anh Ph.

Ngày 15/3/2021 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án niêm yết công khai tại Nhà văn hoá bản N 2, Ủy ban nhân dân xã N và trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG nhưng anh Ph vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Ngày 30/3/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật cho anh Lò Văn Ph. Chị Th cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 23/4/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do anh Ph vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện TG đã Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST - HNGĐ, ngày 12/5/2021 để đảm bảo quyền lợi cho anh Ph. Tuy nhiên đến phiên tòa lần thứ hai anh Ph vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Việc anh Ph cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện TG vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị Th xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Chị Th xin xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh Ph.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong Th gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa cơ bản đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th; *Về con chung:* Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lò Thị Ph H, sinh ngày 07/02/2011, Lò Thị Ph Th1, sinh ngày 20/3/2015 và Lò Khánh D, sinh ngày 08/01/2017 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nên không xem xét; *Về quan hệ tài sản:* Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lò Thị Th xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn Ph và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn Ph có hộ khẩu thường trú tại bản N 2 xã N, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn Ph kết hôn năm 2011, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Ngày 31/5/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Chị Th xin xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh Ph theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn Ph kết hôn ngày 05/4/2011, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Ngày 01/3/2021 qua rà soát sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện TG và sổ hộ khẩu tại Công an xã N thì đều thể hiện chị Th sinh năm 1994 và anh Ph sinh năm 1988, không thể hiện ngày tháng sinh của chị Th và cũng không có hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn do đó không xác định được chị Th sinh ngày tháng nào tại Th điểm đăng ký kết hôn, còn ngày sinh trong sổ hộ khẩu là do gia đình chị Th tự sửa ghi vào nên không xác định được ngày tháng sinh chính xác của chị Th, đồng Th UBND cũng xác nhận từ Th điểm chị Th và anh Ph kết hôn đến nay không ai khiếu nại gì. Cùng ngày Tòa án cũng tiến hành xác minh đối với bà Cà Thị B (mẹ đẻ của chị Th) thì khi đăng ký kết hôn do ông Lò Văn P là chồng bà dẫn chị Th và anh Ph đi đăng ký, nhưng ông P không nhớ ngày tháng sinh của chị Th nên chỉ khai là sinh năm 1994, bà B cũng cho biết chị Th và anh Ph kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khi Ph1 sinh mâu thuẫn mới xin ly hôn nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC- BTP thì quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Ph là hợp pháp.

Chị Th có đơn xin ly hôn với anh Ph là do tính tình không hợp, anh Ph hay uống rượu say về đánh chị Th, có lần anh Ph còn đánh gãy chân chị Th, dẫn đến chị Th phải vào viện điều trị. Mặt khác trong quá trình chung sống anh Ph cũng không

chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, chị Th đã nhiều lần khuyên anh Ph nhưng anh Ph không thay đổi. Chị Th và anh Ph đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, từ Th điểm sống ly thân giữa chị Th và anh Ph không còn quan tâm đến nhau, chị Th xác định không còn tình cảm với anh Ph, vì vậy chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 26/02/2021 chính quyền địa Ph cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh Ph là do anh Ph hay uống rượu say rồi đánh đập vợ, được tổ hòa giải ở bản hòa giải nhiều lần nhưng anh Ph không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th và anh Ph đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong Th gian ly thân và từ Th điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay giữa chị Th và anh Ph không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Ph đã được Toà án thông báo về việc chị Th xin ly hôn với anh, nhưng anh Ph không có ý kiến gì gửi cho Toà án. Ngày 30/3/2021 chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị Th xác định không còn tình cảm với anh Ph, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Ph. Do đó việc chị Th xin ly hôn với anh Ph là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lò Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn Ph.

[6]. Về con chung: Chị Th và anh Ph có 03 con chung là Lò Thị Ph H, sinh ngày 07/02/2011, Lò Thị Ph Th1, sinh ngày 20/3/2015 và Lò Khánh D, sinh ngày 08/01/2017. Hiện tại cả ba cháu đang ở với chị Th tại bản N 2, xã N, huyện TG. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 cháu đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi các con chung. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 26/02/2021 chính quyền địa Ph cũng thừa nhận hiện các con chung đang ở với chị Th do chị Th chăm sóc vì chị Th có điều kiện và Th gian chăm sóc các con chung nhiều hơn anh Ph, anh Ph đi làm xa ít quan tâm đến các con. Qua xác minh đối với bà Cà Thị B (mẹ đẻ chị Th) thì những lúc chị Th đi làm xa thì nhờ bà B chăm sóc các cháu vì nhà chị Th ở cạnh nhà bà B, hàng tháng chị Th gửi tiền về nộp học và chi tiêu sinh hoạt cho các cháu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2021 và đơn nguyện vọng ngày 24/02/2021 của cháu Lò Thị Ph H đều trình bày có nguyện vọng xin được ở với chị Th, vì chị Th có điều kiện và thường xuyên quan tâm, chăm sóc các cháu nhiều hơn, anh Ph ít khi quan tâm đến 3 cháu. Trong biên bản lấy lời khai chị Th trình bày hiện tại chị đi làm thuê có mức thu nhập một tháng khoảng 10.000.000đ đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Đó đó đề nghị của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, mặc dù cháu D và cháu Th1 chưa đến tuổi để hỏi ý kiến các cháu nhưng từ Th điểm chị Th và anh Ph Ph1 sinh mâu thuẫn sống ly thân thì các cháu đã ở với chị Th do chị Th chăm sóc từ đó cho đến nay, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng các con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, cháu D và cháu Th1, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu H, cháu D và cháu Th1 cho chị Th trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Th phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị Th là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản N 2, xã N, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Th được miễn án phí DSST.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lò Thị Th được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Ph.

2. Về con chung: Giao ba cháu là Lò Thị Ph H, sinh ngày 07/02/2011, cháu Lò Thị Ph Th1, sinh ngày 20/3/2015 và cháu Lò Khánh D, sinh ngày 08/01/2017 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Th không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn Ph lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ph.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Th, anh Lò Văn Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

